TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HN&GĐ-ST
Ngày: 16-5-2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

T ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - T ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên,

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 512/2024/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HN&GĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 63A/2025/QĐST-HN&GĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Minh T, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số 143/33, đường Phạm Huy Thông, phường 6, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Số 21, đường Trần Hưng Đạo, tổ 10, khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 sinh sống cùng nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên, đến tháng 3/2023, chị T và anh T1 Tòng xuyên mâu thuẫn và cải vã. Nguyên nhân do chị T và anh T1 không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 5/2023, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, không khí trong gia đình rất ngột ngạt gây mệt mỏi cho mọi thành viên trong gia đình. Mặc

dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải, song vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T1.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh T1 đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, anh T1 xác định giữa anh T1 và chị T có nhiều sự bất đồng và không còn chung sống với nhau đã hai năm nay. Đề nghị xét xử theo nguyện vọng của chị T và xin vắng mặt.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, T ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Minh T ly hôn anh Nguyễn Quang T1.

2. Ghi nhận ý kiến của chị T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn.

Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Huỳnh Minh T khởi kiện ly hôn với bị đơn Nguyễn Quang T1, bị đơn có nơi đăng ký Tòng trú tại khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu Tơng nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh T1 và chị T là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm; quá trình hòa giải, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn anh T1. Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và không có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện ban đầu, anh T1 có ý kiến đề nghị xét xử theo nguyện vọng của chị T.

Qua nội dung xác minh đối với bà Lê Thùy Dương (mẹ ruột của anh T1) vào ngày 14/3/2025 thể hiện trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 có mâu thuẫn với nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[3.2] Về con chung, tranh chấp chia tài sản và nợ khi ly hôn: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Minh T.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Minh T ly hôn anh Nguyễn Quang T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97, đăng ký ngày 21/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giữa chị Huỳnh Minh T và anh Nguyễn Quang T1 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Minh T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0005081 ngày 23/12/2024. Chị Huỳnh Minh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Dt;
- UBND xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận